

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HS-ST

Ngày: 28-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Trần Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 126/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Minh T; sinh ngày 01-5-2004 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số 22A/58 đường M phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân Tr và bà Trần Thị Ph; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 28-4-2022 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị B - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; có mặt

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Hương Gi, sinh năm 1987; trú tại: số 55 H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh T là nhân viên bán quần áo cho chị Nguyễn Thị H. Khoảng 14 giờ ngày 23-3-2022, tại khu vực phòng khách tầng 3 số nhà 55 Hàn Thuyên phường Vthành phố N, Thu phụ giúp chị Giang bán các sản phẩm quần áo trên trang mạng xã hội Facebook. Lúc này, Thu quan sát thấy phòng ngủ của chị Gi tại tầng 3 mở cửa, không có ai trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thu tiến lại vị trí bàn trang điểm, dùng tay phải kéo ngăn bàn, phát hiện trong đó có 01 chiếc hộp màu đỏ hình vuông, mở ra thấy bên trong chứa nhiều nhẫn, khuyên tai bằng kim loại màu vàng và màu trắng nên Thu đã lấy trộm 01 chiếc nhẫn hình tròn (làm bằng kim loại màu trắng, xung quanh gắn các hạt vật liệu không màu) giấu vào trong người rồi tiếp tục phụ giúp chị Giang bán hàng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Thu đi tới cửa hàng vàng bạc Chung H tại 24 M, phường N, thành phố N gặp chị Nguyễn Thị Thu H để bán chiếc nhẫn trên với giá 2.700.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, chị Giang phát hiện bị mất chiếc nhẫn nêu trên nên đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N trình báo.

Quá trình xác minh, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày không biết chiếc nhẫn là tài sản do Thu trộm cắp mà có và đã giao nộp chiếc nhẫn cho Cơ quan điều tra để phục vụ quá trình điều tra, xác minh.

Ngày 31-3-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định trưng cầu Viện Khoa học hình sự Bộ Công an giám định hóa học đối với vật chứng của vụ án là chiếc nhẫn kim loại màu trắng, xung quanh gắn các hạt vật liệu không màu. Tại Bản kết luận giám định hóa học số 1974/KL-KTHS ngày 12/4/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Phần kim loại màu trắng là hợp kim vàng (Au), đồng (Cu), kẽm (Zn), Niken (Ni), hàm lượng Au: 74,90%, Cu: 8,04%, Zn: 4,78%, Ni: 12,28%.
- Các viên vật liệu gắn trên nhẫn đều là kim cương tự nhiên.
- Tổng trọng lượng của chiếc nhẫn trên là 4,05 gam.

Ngày 18-4-2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N định giá đối với vật chứng của vụ án là chiếc nhẫn bằng kim loại màu trắng, xung quanh gắn kim cương tự nhiên, tổng trọng lượng là 4,05 gam. Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 20/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: Chiếc nhẫn là vật chứng vụ án có giá trị là 87.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc nhẫn cho chị Nguyễn Thị H. Chị Giang đã nhận lại tài sản và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Trần Minh T. Đối với số tiền 2.700.000 đồng chị Hiền bỏ ra mua chiếc nhẫn từ Thu vào ngày 23-3-2022, Thu đã trả số tiền này lại cho chị Hiền.

Bản Cáo trạng số 129/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T khai: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23-3-2022, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị H chiếc nhẫn kim loại màu trắng gắn kin cương tự nhiên, tổng khối lượng 4,05 gam, trị giá 87.000.000 đồng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Minh T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65, Điều 98, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bà Trần Thị B trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Minh T: Bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Minh T, lời khai của bị hại, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 23-3-2022, tại số nhà 55 Hàn Thuyên phường V thành phố N tỉnh Nam Định, Trần Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị H chiếc nhẫn kim loại màu trắng gắn kin cương tự nhiên, tổng khối lượng 4,05 gam, trị giá 87.000.000 đồng. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã xâm phạm

quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý; Do đó, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; do đó căn cứ Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, quyết định hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo nhưng cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vấn đề dân sự: Chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không đề nghị giải quyết vấn đề bồi thường, chị Nguyễn Thị Thu Hiền đã nhận số tiền 2.700.000 đồng do bị cáo hoàn trả và không có yêu cầu gì khác; do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với hành vi của chị Nguyễn Thị Thu H khi mua 01 chiếc nhẫn trên của Thu không biết đây là tài sản do Thu phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Trần Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 thì Tòa án có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Bị cáo Trần Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo Trần Minh T có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm

